

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2772 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 25 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bổ sung giá trị hỗ trợ di chuyển mô mã của 74 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho 75 hộ gia đình, cá nhân có mô mã, vật kiến trúc, cây cối bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 887/TTr-STNMT ngày 24/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bổ sung giá trị hỗ trợ di chuyển mô mã của 74 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí hỗ trợ di chuyển mô mã và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là: 288.691.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi một ngàn đồng). Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ di chuyển mô mã: 283.030.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 5.661.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC**BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG GIÁ TRỊ HỖ TRỢ DI CHUYỂN MÒ MẢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN ĐT.639, ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 MỚI, ĐỊA BÀN PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày ____/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Mộ đất	Mộ xây	Tổng mộ	Giá trị hỗ trợ di chuyển mồ mả (đồng)	Tổng giá trị BT, HT (đồng)
1	Hồ Thanh Hương	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
2	Phạm Văn Tùng	749 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn	1	0	1	830.000	830.000
3	Phạm Trương Dũng	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
4	Nguyễn Thế Hưng	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
5	Trần Hữu Hưng	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
6	Nguyễn Huệ	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
7	Nguyễn Văn Nghĩa	KV1, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
8	Nguyễn Nghiệp	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
9	Phạm Trường Sang	thôn Chánh Định, xã Cát Chánh	1	0	1	830.000	830.000
10	Tô Hoài	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
11	Nguyễn Đình Sum	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
12	Lê Thị Chiện	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
13	Đặng Văn Đê	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
14	Nguyễn Nhân	KV1, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
15	Nguyễn Thị Hồng	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
16	Phạm Giới	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
17	Võ Thành Hương	KV3, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
18	Lưu Trọng Ngọc	KV2, phường Nhơn Bình	1	0	1	830.000	830.000
19	Tô Trục	KV6, phường Nhơn Bình	2	0	2	1.660.000	1.660.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Mộ đất	Mộ xây	Tổng mộ	Giá trị hỗ trợ di chuyển mồ mã (đồng)	Tổng giá trị BT, HT (đồng)
20	Trần Minh Long	KV3, phường Nhơn Bình	2	0	2	1.660.000	1.660.000
21	Phạm Đình Tân	KV3, phường Nhơn Bình	2	0	2	1.660.000	1.660.000
22	Phạm Đình Tùng	KV3, phường Nhơn Bình	2	0	2	1.660.000	1.660.000
23	Nguyễn Đua	KV3, phường Nhơn Bình	2	0	2	1.660.000	1.660.000
24	Nguyễn Huy Dũng	KV2, phường Nhơn Bình	2	0	2	1.660.000	1.660.000
25	Trần Như Ngọc	KV3, phường Nhơn Bình	3	0	3	2.490.000	2.490.000
26	Mai Văn Ngọc	KV1, phường Nhơn Bình	3	0	3	2.490.000	2.490.000
27	Lê Ngọc Thông	KV3, phường Nhơn Bình	3	0	3	2.490.000	2.490.000
28	Nguyễn Thị Tám	KV3, phường Nhơn Bình	3	0	3	2.490.000	2.490.000
29	Nguyễn Văn Duôi	KV3, phường Nhơn Bình	4	0	4	3.320.000	3.320.000
30	Lê Hồng Khanh	KV3, phường Nhơn Bình	4	0	4	3.320.000	3.320.000
31	Nguyễn Cửu	KV3, phường Nhơn Bình	4	0	4	3.320.000	3.320.000
32	Tô Đạt	KV3, phường Nhơn Bình	6	0	6	4.980.000	4.980.000
33	Nguyễn Ngọc Lưu	KV3, phường Nhơn Bình	7	0	7	5.810.000	5.810.000
34	Lê Công Lâm	thôn Hưng Nghĩa, xã Phước Nghĩa	12	0	12	9.960.000	9.960.000
35	Trần Văn Quy	KV2, phường Nhơn Bình	14	0	14	11.620.000	11.620.000
36	Nguyễn Văn Ba	KV3, phường Nhơn Bình	20	0	20	16.600.000	16.600.000
37	Nguyễn Ngọc Lưu (ĐDKK mộ thanh minh ở KV3, p. Nhơn Bình)	KV3, phường Nhơn Bình	63	0	63	52.290.000	52.290.000
38	Nguyễn Thị Thanh Bình	KV3, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000
39	Phạm Viết Ngò	KV3, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000
40	Phạm Đính	KV3, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000
41	Võ Thị Gái	KV1, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000
42	Nguyễn Quang Lư	Khu vực 5, phường Trần Phú	0	7	7	5.810.000	5.810.000
43	Phạm Văn Triều	KV3, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Mộ đất	Mộ xây	Tổng mộ	Giá trị hỗ trợ di chuyển mồ mã (đồng)	Tổng giá trị BT, HT (đồng)
44	Nguyễn Bảo	Khu vực 2, phường Trần Hưng Đạo	0	1	1	830.000	830.000
45	Nguyễn Thị Sen	KV1, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000
46	Nguyễn Ngọc Thịnh	KV3, phường Nhơn Bình	0	2	2	1.660.000	1.660.000
47	Phan Ngọc Linh	KV2, phường Nhơn Bình	0	2	2	1.660.000	1.660.000
48	Lê Thanh Bình	KV5, phường Nhơn Bình	0	2	2	1.660.000	1.660.000
49	Nguyễn Thái Hùng	KV1, phường Nhơn Bình	0	3	3	2.490.000	2.490.000
50	Nguyễn Hạnh Phúc	KV5, phường Nhơn Bình	0	3	3	2.490.000	2.490.000
51	Nguyễn Hữu Trị	KV3, phường Nhơn Bình	16	2	18	14.940.000	14.940.000
52	Hồ Minh Thế	KV3, phường Nhơn Phú	6	1	7	5.810.000	5.810.000
53	Nguyễn Đăng Doanh	KV5, phường Nhơn Bình	5	5	10	8.300.000	8.300.000
54	Nguyễn Văn Khanh	KV3, phường Nhơn Bình	6	22	28	23.240.000	23.240.000
55	Phạm Xuân Hoan	KV1, phường Nhơn Bình	4	1	5	4.150.000	4.150.000
56	Nguyễn Công	KV3, phường Nhơn Bình	4	3	7	5.810.000	5.810.000
57	Nguyễn Bảo Giác	Khu vực 2, phường Thị Nại	4	1	5	4.150.000	4.150.000
58	Nguyễn Đức Dũng	KV3, phường Nhơn Bình	3	1	4	3.320.000	3.320.000
59	Phạm Văn Hương	KV3, phường Nhơn Bình	3	1	4	3.320.000	3.320.000
60	Nguyễn Văn Hùng	KV3, phường Nhơn Bình	3	2	5	4.150.000	4.150.000
61	Lưu Thị Dần	KV3, phường Nhơn Bình	2	1	3	2.490.000	2.490.000
62	Nguyễn Quít	KV3, phường Nhơn Bình	2	2	4	3.320.000	3.320.000
63	Tô Văn Đào	KV3, phường Nhơn Bình	2	4	6	4.980.000	4.980.000
64	Nguyễn Lâm Duy Phúc	KV3, phường Nhơn Bình	2	3	5	4.150.000	4.150.000
65	Trần Văn Thiên	KV3, phường Nhơn Bình	1	1	2	1.660.000	1.660.000
66	Nguyễn Quyền	KV1, phường Nhơn Bình	1	1	2	1.660.000	1.660.000
67	Lê Thanh Dương	KV3, phường Nhơn Bình	1	3	4	3.320.000	3.320.000
68	Nguyễn Thị Mùi	KV3, phường Nhơn Bình	1	3	4	3.320.000	3.320.000
69	Phạm Văn Sáu	KV3, phường Nhơn Bình	1	6	7	5.810.000	5.810.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Mộ đất	Mộ xây	Tổng mộ	Giá trị hỗ trợ di chuyển mồ mã (đồng)	Tổng giá trị BT, HT (đồng)
70	Nguyễn Hữu Phương	KV3, phường Nhơn Bình	0	2	2	1.660.000	1.660.000
71	Phạm Lý Công	KV3, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000
72	Nguyễn Hữu Chánh	KV3, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000
73	Nguyễn Thanh Phùng	KV3, phường Nhơn Bình	0	1	1	830.000	830.000
74	Nguyễn Đức Hùng	KV3, phường Nhơn Bình	1	3	4	3.320.000	3.320.000
A	Tổng giá trị BT, HT		244	97	341	283.030.000	283.030.000
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%)						5.661.000
C	Tổng cộng (A+B)						288.691.000